

Số: /QĐ-UBND Thanh Hoá, ngày tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tam Lư - Tam Thanh, huyện Quan Sơn (Chương trình 30a)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP; số 68/2019/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2019 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Xây dựng: số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng; số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; số 09/2019/TT-BXD ngày 26 tháng 12 năm 2019 hướng dẫn xác định chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: số 4890/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; số 2037/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2020 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi; số 2488/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu; số 3216/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc phê duyệt chi phí khảo sát, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, lập hồ sơ cắm cọc GPMB xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tam Lư - Tam Thanh, huyện Quan Sơn (Chương trình 30a);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 4317/TTr-SGTVT ngày 12 tháng 10 năm 2020, kèm theo hồ sơ và Báo cáo kết quả thẩm định số 4320/SGTVT-TĐKHKT ngày 13 tháng 10 năm 2020 và Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2020 của UBND huyện Quan Sơn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã Tam Lư - Tam Thanh, huyện Quan Sơn (Chương trình 30a), với nội dung chủ yếu sau:

1. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật:

Nâng cấp, cải tạo tuyến đường dài 10,696 km đạt quy mô đường GTNT cấp B (theo TCVN 10380:2014), có: chiều rộng nền đường $B_n=5,0m$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5m$; vận tốc thiết kế $V_{tk}=20km/h$; bán kính đường cong nằm nhỏ nhất $R_{min}=15m$; độ dốc dọc lớn nhất $I_{max}=13\%$; mặt đường láng nhựa có $E_{yc}\geq 91Mpa$ và bằng BTXM; công trình thoát nước bằng bê tông và BTCT, tải trọng thiết kế H30-XB80, tần suất $P=4\%$.

2. Giải pháp thiết kế:

2.1. Bình đồ tuyến:

Điểm đầu Km0- tại bản Muống, xã Tam Lư; điểm cuối Km10+696- giao với đường từ cầu Kham đi mốc H5 tại bản Ngâm, xã Tam Thanh, huyện Quan Sơn; tổng chiều dài tuyến 10,696km, bán kính cong nhỏ nhất $R_{min}=20m$.

2.2. Cắt dọc tuyến: Trên cơ sở nền đường cũ, chủ yếu tôn thêm lớp chiều dày kết cấu áo đường tính toán và có đào đắp cục bộ một số vị trí để cải thiện độ dốc. Độ dốc dọc lớn nhất $I_{max}=12,5\%$.

2.3. Cắt ngang tuyến: Chiều rộng nền đường $B_n=5,0m$; chiều rộng mặt đường $B_m=3,5m$, dốc ngang hai mái $i_m=3\%$ (mặt đường láng nhựa); $i_m=2\%$ (mặt đường BTXM); lề đất $B_l=2x0,75m$, dốc ngang $i_l=4\%$. Các đoạn có thiết kế gia cố rãnh dọc BTXM mặt đường được mở rộng đến mép rãnh, kết cấu mở rộng như phần mặt đường $B_{gc}=2x0,75m$.

2.4. Nền đường:

- Nền đắp: Đắp bằng đất đồi đạt độ chặt $K\geq 95$, lớp sát móng đường đạt $K\geq 98$ dày 50cm. Mái ta luy đắp 1/1,5, gia cố mái bằng trồng cỏ; một số đoạn qua ao, men theo suối gia cố bằng BTXM M200, chân khay BTXM M150. Đoạn từ Km10+398 - Km10+445 mái taluy phía phải tuyến được gia cố bằng tường chắn BTXM M150.

- Nền đào: Mái taluy đào 1/0,75-1/1 đối với nền đất và 1/0,25-1/0,75 đối với nền đá tùy theo cấp đá; những đoạn chiều cao mái taluy lớn hơn 12m thiết kế giạt cấp, chiều rộng cấp 2m, chiều cao cấp 9m.

2.5. Kết cấu áo đường:

a) Mặt đường láng nhựa (áp dụng cho những đoạn có độ dốc dọc $i<7\%$), cấu tạo từ trên xuống như sau:

- Lớp mặt: Láng nhựa nóng 02 lớp tiêu chuẩn nhựa $3,0kg/m^2$.

- Lớp móng: Dày 30cm chia làm 02 lớp: Móng trên bằng đá dăm nước dày 15cm; móng dưới bằng đá dăm (4x6)cm dày 15cm.

b) Mặt đường bê tông xi măng (áp dụng cho những đoạn có độ dốc dọc $\geq 7\%$, những vị trí nền đá và mặt đường cũ bằng BTXM), cấu tạo như sau:

- Lớp mặt: Bằng BTXM M300 dày 24cm; bố trí khe ngang (khe co, khe giãn) bằng cắt bê tông mặt đường sau khi thi công, chèn khe bằng ma tít nhựa đường.

- Lớp móng: Trên nền đá và đường cũ BTXM được bù vênh tạo phẳng bằng BTXM M300; trên nền đất móng bằng đá dăm nước dày 15cm, lót lớp nilong tái sinh chống mất nước.

2.6. Công trình thoát nước:

a) Thoát nước mặt: bằng chảy toả và rãnh dọc.

Rãnh đất hình thang tiết diện (40+120)x40cm; rãnh đá tiết diện tam giác (40x80)cm; những đoạn có độ dốc dọc $\geq 6\%$ và đi qua khu dân cư được gia cố bằng BTXM M200 dày 20cm, tiết diện (40x40)cm; các vị trí qua nhà dân lắp đặt các tấm đan bằng BTCT M250 kích thước (100x70x12)cm.

- Những vị trí qua đường ngang thiết kế rãnh chịu lực tiết diện chữ nhật, chiều rộng lòng rãnh $B=0,5\text{m}$; kết cấu thân rãnh bằng BTXM M200, mũ mô bằng BTXM M250, nắp rãnh bằng BTCT M300, lớp phủ bản bằng BTXM M300.

b) Thoát nước ngang: Tổng số có 61 công trình thoát nước ngang, trong đó: tận dụng lại 05 tràn liên hợp cống bản $KĐ=(1,5-5,4)\text{m}$ và 14 cống thoát nước cũ các loại đang còn tốt trên tuyến, thiết kế nối dài cống cho đủ chiều rộng nền đường. Thanh lý cống cũ bị hư hỏng và xây dựng mới 42 cống thoát nước các loại gồm: 02 cống tròn $D=1,5\text{m}$; 11 cống bản khẩu độ $B=1,0\text{m}$; 22 cống bản khẩu độ $B=1,5\text{m}$; 03 cống bản khẩu độ $B=2,4\text{m}$; 03 cống bản khẩu độ $B=3,4\text{m}$; 01 cống bản khẩu độ $B=5,4\text{m}$.

- Kết cấu cống tròn $D1,5\text{m}$: Thân bằng BTCT M200; móng cống, tường cánh, sân thượng hạ lưu cống bằng BTXM M200.

- Kết cấu cống bản khẩu độ $B=(1,0-1,5)\text{m}$: Móng, thân, tường cánh, hồ thu, sân thượng, hạ lưu cống bằng BTXM M200; mũ mô bằng BTCT M250, tấm bản bằng BTCT M300, lớp phủ bản bằng BTXM M300.

- Kết cấu cống bản khẩu độ $B=(2,4-5,4)\text{m}$: Móng, thân, tường cánh, sân thượng, hạ lưu cống bằng BTXM M200; mũ mô bằng BTCT M250, dầm bản bằng BTCT M300, lớp phủ bản bằng BTXM M300, bản quá độ bằng BTCT M300, gờ chắn bánh bằng BTCT M250.

2.7. Nút giao, đường ngang:

- Nút giao Km2+00- giao với đường đi bản Muồng và nút giao cuối tuyến tại Km10+696- giao với đường từ cầu Kham đi mốc H5: Các nút giao là ngã ba,

được mở rộng các nhánh rẽ với bán kính $R \geq 15m$, tổ chức giao thông bằng biển báo, kết cấu áo đường trong nút giao như kết cấu phần tuyến.

- Đường giao dân sinh: Vuốt nổi và mở rộng tạo êm thuận và tăng cường an toàn giao thông; độ dốc dọc $i \leq 4\%$; chiều rộng mặt đường $\geq 4m$; kết cấu mặt đường giao tương ứng với kết cấu mặt đường tuyến chính.

2.8. Điểm tránh xe: Bố trí trung bình 500m/01 điểm (không kể các điểm tận dụng nền đường đào bạt mở rộng), điểm tránh xe có chiều dài tối thiểu 15m, rộng 6,5m, kết cấu tương ứng mặt đường trên tuyến.

2.9. Hệ thống an toàn giao thông: Bố trí cọc tiêu, cột km, biển báo tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41 :2019/BGTVT.

3. Dự toán duyệt: **51.378.180.000 đồng** (Năm mươi một tỷ, ba trăm bảy tám triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	42.440.447.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	902.438.000 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	4.053.774.000 đồng;
- Chi phí khác:	459.321.000 đồng;
- Chi phí dự phòng:	3.522.200.000 đồng.

(chi tiết có phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng. Trong bước tiếp theo, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại báo cáo kết quả thẩm định số 4320/SGTVT-TĐKHKT ngày 13/10/2020.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Quan Sơn và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3-QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh ;
- Lưu: VT, VX.^{30a143}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Đăng Quyền

PHỤ LỤC: BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN XÂY DỰNG					
CÔNG TRÌNH: NÂNG CẤP, CẢI TẠO ĐƯỜNG GIAO THÔNG LIÊN XÃ TAM LƯ' - TAM THANH, HUYỆN QUAN SON (CHƯƠNG TRÌNH 30A)					
<i>(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND tỉnh ngày tháng 10 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)</i>					
Đơn vị tính: đồng					
STT	HẠNG MỤC CHI PHÍ	PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH			THÀNH TIỀN
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG				42.440.447.000
II	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	38.582.224.545	x	2,339%	902.438.000
III	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐTXD				4.053.774.000
1	Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi	Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh			1.465.441.000
2	Khảo sát, thiết kế BVTC và dự toán, lập hồ sơ cấm cọc GPMB	Quyết định số 2375/QĐ-UBND ngày 23/9/2020 của UBND huyện Quan Sơn			1.151.640.000
3	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói xây lắp và bảo hiểm công trình	38.694.112.727	x1,1x	0,183%	78.066.000
4	Lập HSMT, đánh giá HSDT gói thầu TVĐT	Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh			21.608.000
5	Lập đề cương nhiệm vụ khảo sát bước BCNCKT				37.544.000
6	Giám sát công tác khảo sát bước lập BCNCKT				50.897.000
7	Lập đề cương nhiệm vụ khảo sát BVTC	Quyết định số 3216/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của UBND tỉnh			15.598.000
8	Giám sát công tác khảo sát bước lập BVTC				21.172.000
9	Thẩm định HSMT, HSYC các gói thầu	46.346.067.000	x	0,05%	23.173.000
10	Thẩm định KQLCNT các gói thầu	46.346.067.000	x	0,05%	23.173.000
12	Chi phí giám sát thi công xây dựng	38.582.224.545	x1,1x	2,487%	1.055.462.000
13	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	Tạm tính			110.000.000
IV	CHI PHÍ KHÁC				459.321.000
1	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	51.378.180.000	x	0,280%	143.859.000
2	Chi phí bảo hiểm công trình	38.582.224.545	x1,1x	0,290%	123.077.000
3	Thẩm định Báo cáo NCKT	Quyết định số 2037/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh			6.558.000
4	Thẩm định thiết kế BVTC	38.582.224.545	x0,5x	0,084%	16.218.000
5	Thẩm định dự toán	38.582.224.545	x0,5x	0,080%	15.509.000
6	Rà phá bom mìn, vật nổ (tạm tính 17triệu/ha)	17.000.000	x	7,30	124.100.000
7	Kiểm tra của cơ quan chuyên môn	Tạm tính			30.000.000
V	CHI PHÍ DỰ PHÒNG				3.522.200.000
1	Dự phòng phát sinh khối lượng	(I+II+III+IV) x 5%			2.392.799.000
2	Dự phòng trượt giá	(I+II+III+IV) x 2,36%			1.129.401.000
TỔNG GIÁ TRỊ DỰ TOÁN		(I+II+III+IV+V)			51.378.180.000